

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-ST

Ngày: 16-5-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về góp hui”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hoàng Môn;

Ông Nguyễn Trường Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận: Bà Võ Thị Tuyết Trang -
Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2024/TLST-DS ngày
02 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm
2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST-DS ngày 24/4/2025 giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Huỳnh L, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện
V, tỉnh Kiên Giang; *có mặt*

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985; *vắng mặt*

Ông Trang Linh S, sinh năm 1983; *vắng mặt*

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2024 các lời khai tại Tòa án nguyên đơn
bà Phan Huỳnh L trình bày:* Vợ chồng bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Trang Linh
S là chủ hui, bà L là hui viên. Bà Lê tham G hui của vợ chồng ông S, bà T 2 dây,

cụ thể như sau: Dây 1: Ngày 9/2/2023 (al) vợ chồng ông S, bà T có áp dây hội, loại hội 5.000.000đ/tháng, hội gồm có 26 chân, mãn hội vào ngày 09/3/2025. Bà Lê C tham gia 01 chân. Trong quá trình tham gia hội bà Lê Đ được 20 lần (cụ thể mỗi lần đóng bao nhiêu bà L không nhớ) thì vợ chồng ông S, bà T tuyên bố bãi hội, không gom hội nữa. Dây 2: Ngày 9/10/2023 (al) vợ chồng ông S, bà T có áp dây hội, loại hội 5.000.000đ/tháng, hội gồm có 27 chân, mãn hội vào ngày 09/11/2025. Bà Lê C tham gia 1 chân. Trong quá trình tham gia hội bà Lê Đ được 11 lần (cụ thể mỗi lần đóng bao nhiêu bà L không nhớ) thì vợ chồng ông S, bà T tuyên bố bãi hội, không gom hội nữa. Sau khi bãi hội, bà L và bà T có tính sổ lại thì còn nợ bà Lê T1 hội là 155.000.000 đồng, khấu trừ tiền bà Lê M đồ của bà T 4.000.000 đồng, bà T còn nợ bà L 151.000.000 đồng, bà T có làm tờ nhận nợ cho bà L vào ngày 10/10/2024, nhưng đến nay không trả.

Trong quá trình tham gia hội thì vợ chồng ông S, bà T cùng tham gia, khi đi gom hội là ông S đi gom nên vợ chồng ông S, bà T phải có trách nhiệm trả số tiền này. Nay bà L yêu cầu vợ chồng Huỳnh Thị Cẩm T và Trang Linh S phải trả bà L số tiền hội là 151.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trang Linh S và bà Huỳnh Thị Cẩm T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Huỳnh L, buộc ông Trang Linh S và bà Huỳnh Thị Cẩm T liên đới trả cho bà L số tiền 151.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trang Linh S và bà Huỳnh Thị Cẩm T là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông S và bà T.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Lê khởi K yêu cầu ông S, bà T trả số tiền hội còn nợ. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* Nguyên đơn bà L trình bày bà có tham gia hội do ông T2, bà T làm chủ. Tính đến nay, ông T2, bà T còn nợ bà số tiền hội là

151.000.000 đồng. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông T2, bà T trả số tiền hụi còn nợ. Căn cứ vào tờ ghi nhận nợ đề ngày 10/10/2024 có chữ ký tên “Huỳnh Thị Cẩm T” thừa nhận còn nợ tiền hụi số tiền là 151.000.000 đồng. Ngoài ra, còn có những người cùng tham gia các dây hụi gồm bà Nguyễn Văn Đ1, bà Thái Thanh T3, bà Lâm Hồng T4 xác định chồng bà T là ông Linh S có biết và có đi gom hụi cho bà T. Vì vậy, có cơ sở để xác định việc vợ chồng bà T, ông S còn nợ hụi bà L số tiền 151.000.000 đồng.

Xét về quyền và nghĩa vụ của các bên thấy rằng do ông S, bà T vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường nên bà L yêu cầu trả số tiền hụi là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, buộc ông S, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L là 151.000.000 đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn nên ông S, bà T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành số tiền 151.000.000 đồng, tiền án phí là $151.000.000 \times 5\% = 7.550.000$ đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Lê S1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng theo biên lai thu số 0002468 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, Điều 147, Điều 277, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Huỳnh Lê đối V ông Trang Linh S và bà Huỳnh Thị Cẩm T. Buộc ông S, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Huỳnh Lê S1 tiền là 151.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trang Linh S và bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu là 7.550.000 đồng.

Hoàn trả cho Nguyên đơn bà Phan Huỳnh Lê S1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.775.000 đồng theo biên lai thu số 0002468 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (ông Trang Linh S, bà Huỳnh Thị Cẩm T) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm